

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2021/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 02/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1969.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương – có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:*

Qua thời gian tìm hiểu, ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Đến ngày 14/5/2019, ông U và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Hôn

nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không cùng ý kiến với nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà H đã bỏ đi, không chung sống cùng ông U. Sau khi bà H bỏ đi, ông U đã hàn gắn tình cảm vợ chồng thì bà có quay về chung sống cùng ông U. Tháng 02/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H lại bỏ nhà đi. Vì không thể chịu đựng được nữa nên tháng 5/2021, ông U đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát để yêu cầu ly hôn với bà H. Sau đó vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông U đã rút đơn ly hôn về. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên ông U lại nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn với bà H.

Nay ông U không còn tình cảm với bà H. Hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên ông U yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông U và bà H có 03 con chung: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/1992, Nguyễn Thanh P, sinh ngày 01/01/1991, Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 14/02/2002. Các con chung đã trưởng thành nên ông U không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* *Bị đơn bà Nguyễn Thị H:* Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông U và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

\* *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 3, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U và bị đơn bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương vào ngày 14/5/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 14/5/2019. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc cho ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Hiện tại, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/1992, Nguyễn Thanh P, sinh ngày 01/01/1991, Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 14/02/2002. Hiện các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết vấn đề về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn U được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004280 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Hoàng An**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thắm**

**Nguyễn Kim Lý**

**Phạm Ngọc Hoàng An**